

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 18 - 4- 2022

V/v không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Côn;

2. Ông Trần Đăng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ca.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Văn Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc “ không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Y, sinh năm 1978 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn P, thị trấn N, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Vi Văn P (tức Vi Huy N), sinh năm 1981 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đỗ Thị Y trình bày:

Chị và anh Vi Văn P kết hôn với nhau vào năm 2001. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu tự nguyện và được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay tại thôn P, thị trấn N, huyện Y. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mậu thuận vợ chồng phát sinh từ năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không còn quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh P.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Vi Thị Thanh Hoa, sinh ngày 18/1/2003 và cháu Vi Việt H, sinh ngày 18/7/2006. Do cháu Hoa đã đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu giải quyết. Chị có nguyện vọng của chị trực tiếp cháu H. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn anh Vi Văn P (tức Vi Huy N) trình bày:

Về hôn nhân: Anh xác định về quan hệ hôn nhân, thời gian anh và chị Y cưới nhau về chung sống và không có đăng ký kết hôn như chị Y trình bày là đúng. Anh xác định đến nay anh và chị P không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Anh đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị Y, đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa anh và chị Y.

Về con chung: Anh thống nhất lời trình bày trên của chị Y, vợ chồng có hai con chung. Sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị Y nguyện vọng trên của chị Y về con chung. Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu Vi Việt H có nguyện vọng xin được ở cùng với mẹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; 238; khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Y và anh Vi Văn P.

Về nuôi con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Việt H. Ngoài ra còn đề xuất án phí, quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Căn cứ vào Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang; Tại phiên tòa, nguyên đơn; bị đơn vắng mặt có lý do theo đúng quy định, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về xác định quan hệ pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thụ lý vụ án là quan hệ “ly hôn, nuôi con chung”, nay Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật “không công nhận vợ chồng” theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về hôn nhân:** Chị Đỗ Thị Y và anh Vi Văn P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 nhưng không đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay chị Y và anh P đều cho rằng giữa hai người không còn tình cảm, không thể đoàn tụ được và đều đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng. Do vậy cần căn cứ các Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Y và Vi Văn P.

[3] **Về nuôi con chung:** Chị Y và anh P đều thống nhất đề nghị Tòa án giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này.

[4] Về Tài sản riêng, chung; Công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo đúng quy định tại Điều 24, khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; 238; khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đỗ Thị Y và anh Vi Văn P.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Đỗ Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Việt H, sinh ngày 18/7/2006. Anh Vi Văn P có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Y phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đồng chị Y đã nộp tại biên lai thu số 0010619 ngày 22/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh

